TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 11 - 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Văn Hà
2. Bà Lục Thị Hương

-Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2018 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vu án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1990, Nơi cư trú: Bản L xã S H, huyện Q S, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Bị đơn: Anh Hà Văn L - sinh năm 1990, Nơi cư trú: Bản L xã S H, huyện Q S, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Trịnh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Hà Văn L qua tìm hiểu, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong túc và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S H, huyện Q S vào ngày 19/2/2013.Cuộc sống chung của vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc, sau đó đến tháng 3/2014 chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Anh L ở nhà không chung thủy với chị H mà có quan hệ ngoại tình với người khác nên vợ chồng trở nên mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng anh L không thay đổi. Tháng 7/2017 chị H đi xuất khẩu lao động trở về nước, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Anh L đi làm ăn xa còn chị Hợp bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã M S, huyện Ng L, từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện QS giải quyết cho chị được ly hôn

với anh Hà Văn L.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Thị B P sinh ngày 06/8/2011, hiện tại cháu đang ở với gia đình bố mẹ đẻ anh Hà Văn L. Nguyện vọng của chị H là giao cháu P cho anh Hà Văn L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung của vợ chồng và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: chị H xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Hà Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản ngày 06/8/2018, Ủy ban nhân dân xã S H cho biết: anh Hà Văn L, sinh năm 1990, địa chỉ hiện tại bản L, xã S H, huyện Q S, tỉnh Thanh Hóa đã vắng mặt tại địa phương, không rõ thời điểm trở về và địa chỉ mới. Phía gia đình anh L có ông Hà Văn Ng là bố đẻ của anh L trình bày: việc chị H làm đơn xin ly hôn thì anh L và gia đình đã biết, anh L có điện thoại về gia đình có ý kiến sau: Về hôn nhân, anh L đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung, anh L đề nghị được trực tiếp nuôi con vì cháu Hà Thị B P lâu nay vẫn đang sống, ăn học cùng bố và ông bà nội, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, anh L xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông Hà Văn Ng sẽ thay anh Long nhận thay các giấy tờ tố tụng của Tòa án và cam đoan sẽ thông báo lại cho anh L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2018, cháu Hà Thị B P, sinh ngày 06/8/2011 là con chung của chị H và anh L, cháu P có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội, do cháu P muốn được tiếp tục đi học, bố và ông bà nội quan tâm cháu Phương nhiều hơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cùng ban Tư pháp, Ủy ban nhân dân xã S H cùng tham gia tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất cho ông Hà Văn Ng nhận thay anh L và cam đoan sẽ giao và thong báo lại cho anh L, nhưng anh L không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện QS đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng qua người thân (bố đẻ) nhận thay và thông báo cho anh L biết, nhưng anh L chỉ có ý kiến thông qua người thân mà không đến Tòa án làm việc, như vậy bị đơn đã tự từ bỏ quyền, không thực hiện hết nghĩa theo vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Hà Văn L; Về con chung: giao cháu Hà Thị B P cho anh Hà Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản: không xem xét, giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn L, cư trú tại: Bản L, xã S H, huyện Q S, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q S.

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Hà Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử giải quyết dứt điểm vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai tại địa phương, nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Hà Văn L tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã S H, huyện Q S cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/2/2013, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Hợp và anh Long là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung của vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc, sau đó đến tháng 3/2014 chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh L ở nhà có quan hệ tình cảm với người khác. Tháng 7/2017 chị H đi xuất khẩu lao động trở về nước, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Anh L đi làm ăn xa còn chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã M S, huyện Ng L, từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Qúa trình giải quyết vụ án, anh Hà Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để làm việc mà chỉ thông qua ông Hà Văn Ng là bố đẻ anh L để trình bày quan điểm, điều đó thể hiện anh L không quan tâm đến Tòa án giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyên của hai bên, quá trình giải quyết vụ án chị H một mực xin ly hôn, còn anh L thì không có thiện chí hàn gắn, nên xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, múc đích của hôn nhận không đạt được. Do đó, căn cứ và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Hà Văn L.

[3] Về con chung: chị Trịnh Thị H xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Hà Thị B P, sinh ngày 06/8/2011, hiện tại cháu Hà Thị B Ph đang ở với gia đình ông bà nội anh Hà Văn L.

Xét nguyện vọng giao con chung cho anh L của chị H, thấy rằng: Cháu Phương đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở với bố và ông bà nội. Cháu P đang được ông bà nội và bố đẻ nuôi dưỡng ổn định và có đủ điều kiện để chăm sóc

nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải giao cháu Hà Thị B P cho anh Hà Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con chung do hoàn cảnh khó khăn, còn anh L không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyên của anh L, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: chị Trịnh Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị H,

Chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Hà Văn L.

2. Về con chung: chị Trịnh Thị H và anh Hà Văn L có 01 (một) con chung là cháu Hà Thị B P sinh ngày 06/8/2011, hiện cháu đang ở với anh L và ông bà nội. Giao cháu Hà Thị B P cho anh Hà Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc..

Chị Trịnh Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đồngán phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/002980 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q S. Chị Trịnh Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn; Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 – Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q S;
- Chi cục THADS huyện Q S;
- P.Kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã S H, huyện Q S;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bàn Hữu Văn